

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA BỘ CÁNH VÂY (LEPIDOPTERA, INSECTA) DỌC CUNG ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH QUA KHU VỰC TÂY NGUYÊN

HOÀNG VŨ TRỤ, TRẦN THIẾU DU, TẠ HUY THỊNH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Việc mở tuyến đường Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, hoạt động kinh tế náo nhiệt dọc hai bên đường làm xáo trộn cảnh quan môi trường có thể sẽ gây ra sự thay đổi thành phần, cấu trúc của côn trùng, tính chất phân bố cũng như vai trò của một số loài. Từ năm 2004 -2009, nhóm nghiên cứu côn trùng thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật đã triển khai đánh giá sự đa dạng về côn trùng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn từ Thanh Hóa tới Quảng Nam và nay tiếp tục nghiên cứu trên đoạn qua khu vực Tây Nguyên từ Kon Tum tới Đắk Nông. Bài viết này công bố kết quả điều tra ban đầu về hiện trạng một số họ thuộc bộ Cánh vẩy dọc theo cung đường Hồ Chí Minh qua khu vực Tây Nguyên. Công trình có sự hỗ trợ kinh phí của đề tài cấp Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam mã số VAST 08.03/11-12 và đề tài hỗ trợ nhiệm vụ hợp tác quốc tế giữa Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật với Trường Đại học Uljanovsk thuộc chương trình hợp tác nghiên cứu song phương giữa Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam với Quỹ nghiên cứu cơ bản Nga.

I. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Địa bàn nghiên cứu là toàn bộ hai bên cung đường Hồ Chí Minh (với khoảng cách 2km mỗi bên đường) qua khu vực 4 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông. Tổng chiều dài cung đường nghiên cứu là hơn 538 km từ vĩ độ 15.11 N tới 11.54 N; đi qua trên 100 xã và đơn vị hành chính tương đương, thuộc 20 huyện, thị xã, thành phố. Đặc điểm cảnh quan chung của khu vực hai bên đường là hệ sinh thái tự nhiên bị ảnh hưởng rất mạnh bởi hoạt động của con người với rất ít các vạt rừng tự nhiên nhỏ lẻ còn sót lại, chủ yếu là rẫy cà phê, rừng cao su, vườn một số cây công nghiệp khác và rừng thông hay các khu dân cư.

Việc điều tra thu thập vật mẫu nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp thường quy trong nghiên cứu côn trùng, chủ yếu là vọt (với nhóm Bướm ngày Rhopalocera) và bẫy đèn (đối với nhóm Ngài Heterocera). Việc thu bắt và ghi nhận các loài diễn ra ngẫu nhiên trên toàn bộ tuyến đường. Đồng thời, chúng tôi cũng lựa chọn một số điểm điều tra cố định như sau: Xã Đắk Mar 14^o31'36.4''N; 107^o55'09.2''E; 634m; thị trấn Đắk Hà 14^o32'41.0''N; 107^o55'34.4''E; 603m; sinh cảnh: Rừng phục hồi tái sinh và vườn cà phê, vườn cây ăn quả (Đắk Hà, Kon Tum); thị trấn Chư Sê 13^o41'14.1''N; 108^o05'08.7''E; 550m; xã Ia Pal 13^o39'46.2''N; 108^o08'04.2''E; 369m; xã Ia Glai 13^o44'21.2''N; 108^o08'04.2''E; 594m; sinh cảnh: Vườn cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, vườn cây ăn quả, ruộng lúa (Chư Sê, Gia Lai); thị xã Buôn Hồ 12^o56'56.9''N; 108^o16'33.8''E; 706m; xã Pong Drang 12^o59'35.1''N; 108^o14'01.2''E; 768m; sinh cảnh: Vườn cà phê, cao su (Krongbuk, Đắk Lắk); xã Nậm Njang 12^o10'55.2''N; 107^o38'31.1''E; 850m; sinh cảnh: Vườn cà phê ven rừng (Đắk Song, Đắk Nông).

Đối tượng điều tra trong bài viết này là bộ Cánh vẩy Lepidoptera gồm cả nhóm Bướm và nhóm Ngài. Tuy nhiên ở đây chỉ tập trung phân tích các họ ngài có kích thước lớn thuộc các liên họ Ngài tấm Bomb ycoidea, Ngài sâu đo Geometroidea, Ngài đêm Noctuoidea và Ngài sợi Zygaenoidea.

Thời gian điều tra vào tháng 4 đến tháng 5 năm 2011.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua phân tích 545 vật mẫu thu được tại các điểm nghiên cứu, tổng số 259 loài thuộc 27 họ của bộ Cánh vẩy Lepidoptera đã được ghi nhận cho khu vực nghiên cứu. Trong đó nhóm Bướm ghi nhận 89 loài, nhóm Ngài ghi nhận 170 loài; bổ sung cho khu hệ Việt Nam 16 loài (đánh dấu sao trong danh sách), cụ thể là: *Nyctemera adversata* (Schaller), *Nyctemera baulus* (Boisduval), *Nyctemera coleta* (Stoll) thuộc họ Ngài đèn Arctiidae; *Nordstromia duplicata* (Warren), *Thyatira batis* (Linnaeus) thuộc họ Ngài cánh móc Drepanidae; *Bytharia uniformis* Swinhoe, *Celexia festiviaria* (Fabricius), *Chorodna scurobolima* Holloway, *Eumelea biflavata* Warren, *Ourapteryx contronivea* Inoue, *Pachyodes varicoloraria* Moore, *Thalassodes immisaria* Walker thuộc họ Ngài sâu đo (Geometridae); *Euthrix inobtrusa* (Walker) thuộc họ Ngài lá héo Lasiocampidae; *Nagia godfreyi* Tams thuộc họ Ngài đêm Noctuidae; *Risoba vialis* Moore thuộc họ Ngài khiên Nolidae; *Glanycus tricolor* Moore thuộc họ Ngài cánh đốm Thyrididae. Đồng thời ghi nhận 1 loài thuộc họ Bướm phượng Papilionidae có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) đó là loài *Troides aeacus* (F. et R. Felder) (Bảng 1).

Bảng 1

Danh sách các loài côn trùng thuộc bộ Cánh vẩy Lepidoptera ghi nhận được dọc cung đường Hồ Chí Minh qua khu vực Tây Nguyên (tháng 4-5/2011)

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
PHÂN BỘ BƯỚM RHOPALOCERA					
Họ Bướm rừng Amathusiidae					
1.	<i>Discophora sondaica</i> Boisduval		+		
2.	<i>Faunis eumeus incerta</i> (Staudinger)				+
3.	<i>Stichophthalma fruhstorferi</i> Rober				+
4.	<i>Thaumantis diores</i> Doubleday				+
Họ Bướm đốm Danaidae					
5.	<i>Euploea core godartii</i> (Godart)			+	
6.	<i>Euploea doubledayi</i> (C. et R. Felder)	+			
7.	<i>Euploea mulciber</i> (Cramer)	+		+	+
8.	<i>Euploea radamanthus</i> (Fabricius)	+			+
9.	<i>Euploea tulliolus dehaani</i> Lucas	+			
10.	<i>Ideopsis similis persimilis</i> (Moore)	+			
11.	<i>Junonia almana</i> (Linnaeus)	+			
12.	<i>Junonia hierta</i> (Fabricius)	+			
13.	<i>Neptis hylas</i> (Linnaeus)	+			
14.	<i>Parantica aglea melanoides</i> (Moore)	+		+	+
15.	<i>Tirumala septentrionis</i> (Butler)			+	
Họ Bướm nhảy Hesperidae					
16.	<i>Ampittia dioscorides camertes</i> (Hewitson)	+	+		
17.	<i>Caltoris brunnea caere</i> (de Nicéville)			+	
18.	<i>Parnara apostata</i> (Snellen)	+		+	
19.	<i>Parnara apostata hulsei</i> Devyatkin et Monastyrskii			+	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
20.	<i>Parnara ganga</i> Evans	+			
21.	<i>Pelopidas agna</i> (Moore)			+	
22.	<i>Pelopidas conjuncta</i> (Herrich- Schaffer)			+	
23.	<i>Pelopidas mathias</i> (Fabricius)	+			
24.	<i>Potanthus trachala tytleri</i> (Evans)	+			+
	Họ Bướm tro Lycaenidae				
25.	<i>Amblypodia narada taooana</i> Moore				+
26.	<i>Arhopala atrax</i> (Hewitson)		+		
27.	<i>Caleta elna noliteia</i> (Fruhstorfer)				+
28.	<i>Catochrysops panormus exiguus</i> (Distant)			+	
29.	<i>Heliophorus ila nolus</i> Eliot			+	
30.	<i>Jamides bochus</i> (Stoll)		+	+	
31.	<i>Lampides boeticus</i> (Linnaeus)	+		+	
32.	<i>Miletus chinensis learchus</i> C. et R. Felder		+		
33.	<i>Nacaduba kurava euplea</i> Fruhstorfer				+
34.	<i>Prosotas dubiosa indica</i> (Evans)		+	+	+
35.	<i>Sinthusia chandrana margana</i> Fruhstorfer				+
36.	<i>Sinthusia nasaka amba</i> (Kirby)				+
37.	<i>Syntarucus plinius</i> (Fabricius)		+	+	
38.	<i>Udara placidula howarthi</i> (Cantlie et Norman)				+
39.	<i>Zizina otis sangra</i> (Moore)		+		
	Họ Bướm giáp Nymphalidae				
40.	<i>Acraea violae</i> (Fabricius)				+
41.	<i>Ariadne ariadne</i> (Linnaeus)				+
42.	<i>Cethosia biblis</i> (Drury)			+	+
43.	<i>Cethosia cyane</i> (Drury)		+	+	+
44.	<i>Cirrochroa orissa chione</i> Ryley et Godfrey				+
45.	<i>Cupha erymanthis</i> (Drury)		+		+
46.	<i>Hypolimnas bolina</i> (Linnaeus)	+		+	
47.	<i>Hypolimnas misippus</i> (Linnaeus)			+	
48.	<i>Junonia atlites</i> (Linnaeus)	+	+		
49.	<i>Junonia hierta</i> (Fabricius)	+			
50.	<i>Junonia iphita</i> (Cramer)	+			
51.	<i>Neptis harita</i> Moore				+
52.	<i>Neptis hylas</i> (Linnaeus)	+	+	+	+
53.	<i>Pantoporia hordonia</i> (Stoll)	+			+
54.	<i>Phaedyma columella martabana</i> Moore			+	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
55.	<i>Symbrenthia lilaea</i> (Hewitson)			+	
56.	<i>Tanaecia lepidea</i> (Butler)	+	+		
57.	<i>Terinos terpander intermedia</i> Godfrey	+			
	Họ Bướm phượng Papilionidae				
58.	<i>Chilasa clytia</i> (Linnaeus)		+		
59.	<i>Graphium agamemnon</i> (Linnaeus)	+	+		+
60.	<i>Graphium antiphates</i> (Cramer)	+			+
61.	<i>Graphium sarpedon</i> (Linnaeus)	+	+		
62.	<i>Papilio helenus</i> Linnaeus	+			+
63.	<i>Papilio memnon agenor</i> Linnaeus	+			
64.	<i>Papilio nephelus chaon</i> Westwood	+			+
65.	<i>Papilio polytes romulus</i> Cramer	+	+	+	
66.	<i>Troides aeacus</i> (C. et R. Felder)			SĐVN	
	Họ Bướm cải Pieridae				
67.	<i>Appias albina darada</i> (C. et R. Felder)	+			+
68.	<i>Appias lyncida eleonora</i> (Boisduval)	+			
69.	<i>Catopsilia pomona</i> (Fabricius)	+	+	+	+
70.	<i>Catopsilia scylla cornelia</i> (Fabricius)		+	+	+
71.	<i>Cepora nerissa dapha</i> (Moore)			+	
72.	<i>Delias descombesi</i> (Boisduval)			+	+
73.	<i>Delias pasithoe thyra</i> Fruhstorfer	+			+
74.	<i>Eurema blanda silhetana</i> (Wallace)	+	+	+	+
75.	<i>Eurema hecabe</i> (Linnaeus)	+	+	+	+
76.	<i>Hebomoia glaucippe</i> (Linnaeus)	+			+
77.	<i>Ixias pyrene</i> (Linnaeus)	+			+
78.	<i>Leptosia nina</i> (Fabricius)	+		+	
	Họ Bướm mắt rắn Satyridae				
79.	<i>Cyllogenes milleri</i> Monastyrskii				+
80.	<i>Elymnias hypermnestra meridionalis</i> Fruhstorfer			+	
81.	<i>Lethe distans</i> Butler				+
82.	<i>Lethe rohnia</i> (Fabricius)			+	
83.	<i>Lethe verma stenopa</i> Fruhstorfer				+
84.	<i>Melanitis leda</i> (Linnaeus)	+	+		
85.	<i>Melanitis phedima ganapati</i> Fruhstorfer			+	
86.	<i>Mycalesis distanti</i> Moore				+
87.	<i>Mycalesis perseoides</i> (Moore)			+	
88.	<i>Ypthima baldus</i> (Fabricius)	+	+	+	+
89.	<i>Ypthima nebulosa</i> Aoki et Uémura			+	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
	PHÂN BỘ NGÀI HETEROCERA				
	Họ Ngài đèn Arctiidae				
90.	<i>Amerila astreus</i> Drury		+		
91.	<i>Areas galactina</i> (Hoeven)				+
92.	<i>Argina argus</i> Kollar	+	+		
93.	<i>Chrysaeglia magnifica</i> (Walker)		+		
94.	<i>Cretonotos transiens</i> (Walker)	+	+	+	+
95.	<i>Cyana coccinea</i> (Moore)		+		
96.	<i>Cyana determinata</i> (Walker)			+	
97.	<i>Eressa confinis finitima</i> (Wileman)				+
98.	<i>Nannoarctia tripartita</i> (Walker)				+
99.	<i>Nyctemera adversata</i> (Schaller)*			+	+
100.	<i>Nyctemera baulus</i> (Boisduval)*		+		+
101.	<i>Nyctemera coleta</i> (Stoll)*	+	+		+
102.	<i>Nyctemera lacticinia</i> (Cramer)	+			+
103.	<i>Oeonistis altica</i> (Linnaeus)		+	+	
104.	<i>Spilosoma multiguttata</i> (Walker)		+		
105.	<i>Spilosoma</i> sp.1		+		
106.	<i>Syntomoides imaon</i> (Cramer)	+		+	
107.	<i>Tatargina picta</i> (Walker)		+		
108.	<i>Vemuna remelana</i> (Moore)				+
	Họ Ngài tằm Bombycidae				
109.	<i>Ernolatia moorei</i> (Hutton)				+
110.	<i>Trilocha friedeli</i> Dierl		+		+
	Họ Ngài đục gỗ Cossidae				
111.	<i>Lakshmia</i> sp.1			+	
112.	<i>Roepkiella</i> sp.1		+		
113.	<i>Zeuzera coffeae</i> Nietner	+	+	+	
114.	<i>Zeuzera conferta</i> Walker		+		
115.	<i>Zeuzera rhabdota</i> Jordan				+
116.	<i>Zeuzera yuennani</i> Daniel		+		
	Họ Ngài cánh móc Drepanidae				
117.	<i>Albara</i> sp.1				+
118.	<i>Drepana</i> sp.1				+
119.	<i>Hyalospectra</i> sp.1				+
120.	<i>Macrocilix maia</i> (Leech)				+
121.	<i>Nordstromia duplicata</i> (Warren)*	+			
122.	<i>Thyatira batis</i> (Linnaeus)*	+			
	Họ Ngài sâu đo Geometridae				
123.	<i>Abraxas</i> sp.1				+

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
124.	<i>Amblychia angeronaria</i> Guenee				+
125.	<i>Bytharia uniformis</i> Swinhoe*	+			
126.	<i>Celenna festivarua</i> (Fabricius)*				+
127.	<i>Chorodna embolima</i> (Prout)		+		
128.	<i>Chorodna scurobolima</i> Holloway*				+
129.	<i>Chorodna</i> sp.1				+
130.	<i>Chorodna</i> sp.2				+
131.	<i>Dindica olivacea</i> Inoue				+
132.	<i>Erebus hieroglyphica</i> (Drury)				+
133.	<i>Eumelea biflavata</i> Warren*	+			
134.	<i>Heterostegane urbica</i> (Swinhoe)		+		
135.	<i>Krananda oliveomarginata</i> Swinhoe				+
136.	<i>Ophthalmitis</i> sp.1				+
137.	<i>Ophthalmitis</i> sp.2				+
138.	<i>Ourapteryx contronivea</i> Inoue*				+
139.	<i>Pachyodes varicoloraria</i> Moore*				+
140.	<i>Pingasa ruginaria</i> (Guenee)				+
141.	<i>Pogonopygia nigralbata</i> Warren		+		
142.	<i>Thalasodes immissaria</i> Walker*	+	+		
143.	<i>Zeheba aureatoides</i> Holloway		+		
144.	<i>Zeheba</i> sp.1				+
	Họ Ngài lá héo Lasiocampidae				
145.	<i>Euthrix inobtrusa</i> (Walker)*				+
	Họ Ngài bộ nết Limacodidae				
146.	<i>Chalcoecelis dydima</i> Solovyev et Witt			+	
147.	<i>Cheromettia alaceria</i> Solovyev et Witt				+
148.	<i>Darna sybilla</i> Swinhoe	+		+	
149.	<i>Miresa burmensis</i> Hering			+	
150.	<i>Miresa demangei</i> De Joannis				+
151.	<i>Miresa fulgida</i> Wileman				+
152.	<i>Orthocraspeda</i> sp.1			+	
153.	<i>Oxyplax ochracea</i> (Moore)		+		
154.	<i>Parasa pseudorepanda</i> Hering				+
155.	<i>Phlossa conjuncta</i> (Walker)	+			+
156.	<i>Phocoderma velutina</i> (Kollar)	+		+	
157.	<i>Scopelodes testacea</i> Butler	+			
158.	<i>Setora fletcheri</i> Holloway			+	
159.	<i>Susica sinensis</i> (Walker)				+
160.	<i>Thosea bipartita</i> Hering		+	+	+

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
	Họ Ngài sâu róm Lymantriidae				
161.	<i>Artaxa kanshireia</i> (Wileman)				+
162.	<i>Artomis</i> sp.1	+			
163.	<i>Lymantria kosemponis</i> Strand				+
164.	<i>Lymantria mathura</i> Moore				+
165.	<i>Numenes contrahens</i> Walker				+
166.	<i>Orgyia postica</i> (Walker)	+			
167.	<i>Orvasca subnotata</i> Walker	+			
	Họ Ngài tuyết Metribelidae				
168.	<i>Squamura</i> sp.1		+	+	
	Họ Ngài đêm Noctuidae				
169.	<i>Actinotia intermediata</i> (Bremer)	+			
170.	<i>Aedia croncytoides</i> (Guenee)		+		
171.	<i>Aegilia describens</i> Walker		+		
172.	<i>Anuga juvenoides</i> Holloway	+			
173.	<i>Anuga multiplicans</i> (Walker)	+			
174.	<i>Apame</i> sp.1				+
175.	<i>Artena dotata</i> (Fabricius)				+
176.	<i>Asota caricae</i> Fabricius				+
177.	<i>Asota ficus</i> Fabricius		+		
178.	<i>Asota producta</i> (Butler)		+		
179.	<i>Bastilla acuta</i> (Moore)		+		
180.	<i>Bastilla fulvotaenia</i> (Guenee)		+		
181.	<i>Bastilla onelia</i> (Guenee)		+		
182.	<i>Bematha extensa</i> Walker		+		
183.	<i>Callopietria repleta</i> Walker				+
184.	<i>Callyna semivitta</i> Moore		+		
185.	<i>Entomogramma torsa</i> (Guenee)				+
186.	<i>Episparis liturata</i> (Fabricius)		+		
187.	<i>Erebus ephesperis</i> (Hubner)		+		
188.	<i>Eudocima falonia</i> (Linnaeus)				+
189.	<i>Euplocia memblitaria</i> (Cramer)		+		
190.	<i>Eutelia</i> sp.1		+		
191.	<i>Helicoverpa armigera</i> (Hubner)			+	
192.	<i>Iontha umbrina</i> Doubleday				+
193.	<i>Ischyja</i> sp.1				+
194.	<i>Lygniodes endoleucus</i> (Guerin-Menerville)		+		+
195.	<i>Mecodina cineracea</i> (Butler)	+			
196.	<i>Nagia godfreyi</i> Tams*		+		
197.	<i>Neochera dominia</i> Cramer				+
198.	<i>Odontodes aleuca</i> Guenee		+		
199.	<i>Ophiusa olista</i> (Swinhoe)		+		

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
200.	<i>Oxyodes scrobiculata</i> (Fabricius)				+
201.	<i>Penicillaria jocosatrix</i> Guenee		+		
202.	<i>Peridrome subfascia</i> Walker				+
203.	<i>Ramadasa pavo</i> (Walker)		+		
204.	<i>Sarbanissa albifascia</i> (Walker)	+			
205.	<i>Sarbanissa transiens</i> (Walker)				+
206.	<i>Spirama helicina</i> (Hubner)				+
207.	<i>Spodoptera litura</i> (Fabricius)			+	
208.	<i>Sympis rufibasis</i> Guenee				+
209.	<i>Ugia sundana</i> Hampson				+
	Họ Ngài khiên Nolidae				
210.	<i>Blenina quinaria</i> Moore		+		
211.	<i>Calymera picta</i> Moore	+			
212.	<i>Chloroplaga nygmia</i> (Swinhoe)				+
213.	<i>Hylophiodes orientalis</i> (Hampson)	+	+		
214.	<i>Risoba vialis</i> Moore*		+		
215.	<i>Urbona sublineata</i> Walker		+		
216.	<i>Xenochroa biviata</i> (Hampson)	+			
	Họ Ngài thiên xả Notodontidae				
217.	<i>Baradesa omissa</i> Rothschild				+
218.	<i>Chadisra bipars</i> Walker	+	+		
219.	<i>Formofentonia orbifer</i> (Hampson)				+
220.	<i>Netria multispinae</i> Schintlmeister				+
221.	<i>Phalera combusta</i> (Walker)		+		+
222.	<i>Phalera cossoides</i> Walker	+	+		
223.	<i>Somera virens watsoni</i> Schintlmeister	+			
224.	<i>Syntypistis comatus</i> (Leech)				+
225.	<i>Syntypistis viridipicta</i> (Wileman)	+			+
226.	<i>Tarsolepis remicauda captura</i> Schintlmeister				+
	Họ Ngài sâu kèn Psychidae				
227.	<i>Eumeta variegata</i> (Snellen)				+
	Họ Ngài sáng Pyralidae				
228.	<i>Parotis marginata</i> (Hampson)		+		
229.	<i>Vitessa pyrliata</i> Walker		+		
	Họ Ngài tằm trời Saturniidae				
230.	<i>Actias selene</i> (Hubner)				+
231.	<i>Cricula trifenestrata</i> (Helfer)	+		+	
	Họ Ngài chim Sphingidae				
232.	<i>Acosmeryx pseudomissa</i> Mell		+		
233.	<i>Ambulyx ochracea</i> Butler				+
234.	<i>Angonyx testacea</i> (Walker)				+
235.	<i>Cechenena lineosa</i> (Walker)		+		+
236.	<i>Clanis bilineata</i> (Walker)		+		
237.	<i>Cypa enodis</i> Jordan				+
238.	<i>Daphnis hypothous</i> (Cramer)		+		

TT	Tên khoa học	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
239.	<i>Daphnis nerii</i> (Linnaeus)		+		
240.	<i>Hippotion rosetta</i> (Swinhoe)		+		
241.	<i>Leucophlebia lineata</i> Westwood	+			
242.	<i>Macroglossum gyrans</i> Walker		+		
243.	<i>Macroglossum pyrhosticta</i> Butler			+	
244.	<i>Marumba dyras</i> (Walker)		+		
245.	<i>Parum colligata</i> (Walker)	+	+		
246.	<i>Pergesa acteus</i> (Cramer)		+		
247.	<i>Psilogramma increta</i> (Walker)	+			
248.	<i>Smerinthulus</i> sp.1				+
249.	<i>Sphinx caligineus</i> (Butler)		+		
250.	<i>Theretra boisduvalii</i> (Bugnion)				+
251.	<i>Theretra clotho</i> (Drury)				+
252.	<i>Theretra latreillii</i> (Macleay)		+		
253.	<i>Theretra lycetus</i> (Cramer)		+		
254.	<i>Theretra silhetensis</i> (Walker)	+			
Họ Ngài cánh dóm Thyrididae					
255.	<i>Glanycus tricolor</i> Moore*	+			
Họ Ngài én Uraniidae					
256.	<i>Dysaethria plicata</i> (Snellen)	+			
257.	<i>Lyssa zampa</i> Butler		+		+
258.	<i>Urapteroides astheniata</i> (Guenee)	+			+
Họ Ngài sủi Zygaenidae					
259.	<i>Cyclosia papilionaris</i> (Drury)				+
Tổng số		79	89	56	120

Ghi chú: Các taxon trong Bảng 1 được sắp xếp theo vần chữ cái ABC; * - Loài bổ sung mới cho khu hệ Việt Nam; SDVN - Loài có mặt trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

Qua Bảng 1 có thể thấy tính đa dạng các loài côn trùng bộ Cánh vảy là thấp hơn so với cung đường đi qua Thanh-Nghệ-Tĩnh và Quảng Bình-Quảng Trị-Thừa Thiên Huế-Quảng Nam [1, 2, 3]; phần lớn các loài được ghi nhận đều là các loài phổ biến hoặc là các loài sâu hại trên các loại cây trồng nông lâm nghiệp. Các loài đặc trưng cho hệ sinh thái rừng tự nhiên rất ít, chẳng hạn như một số loài ưa tối thuộc các họ Bướm rừng Amathusiidae, Bướm mắt rần Satyridae,... không nhiều, chủ yếu được ghi nhận tại điểm điều tra thuộc xã Nậm N'jang (Đắk Song, Đắk Nông), nơi còn sót lại một diện tích rừng không lớn.

Sự phát triển kinh tế ở vùng Tây Nguyên chủ yếu là phát triển các vùng trồng cây công nghiệp chuyên canh như cà phê, điều, cao su, hồ tiêu, ca cao, chè hoặc cây lâm nghiệp như thông, keo. Dọc tuyến đường, diện tích trồng cây nông nghiệp ngăn ngày như lúa, ngô, rau màu hoặc vườn tạp rất ít dẫn đến sự nghèo nàn về thành phần thảm thực vật dọc hai bên đường. Điều này là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự nghèo nàn về thành phần các loài côn trùng có đời sống gắn trực tiếp tới thực vật như bộ Cánh vảy.

Một điều khá thú vị được chúng tôi ghi nhận trong đợt điều tra là sự bùng phát của quần thể loài bướm cái *Catopsilia pomona* (Fabricius) thuộc họ Pieridae ở tỉnh Đắk Lắk với số lượng cực lớn cả thể bay rợp các rẫy cà phê cũng như dọc đường Hồ Chí Minh. Hiện tượng này không thấy ở các vùng trồng cà phê của các tỉnh khác. Chúng tôi đã điều tra và phát hiện sâu non của

loài bướm này sinh trưởng trên cây muồng, một loại cây bóng mát được người dân tỉnh Đắk Lắk trồng rất nhiều để che bóng cho cà phê.

III. KẾT LUẬN

Thành phần côn trùng bộ Cánh vẩy Lepidoptera dọc cung đường Hồ Chí Minh qua các tỉnh Tây Nguyên là kém đa dạng, với phần lớn các loài có phổ phân bố rộng, thường gặp ở các khu vực dân cư và hệ sinh thái nông nghiệp. Tổng số 259 loài thuộc 27 họ đã được ghi nhận cho toàn khu vực điều tra, trong đó có 89 loài thuộc 8 họ bướm ngày và 170 loài thuộc 19 họ ngài đêm.

Đã ghi nhận được 1 loài bướm có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), đồng thời bổ sung cho khu hệ Việt Nam 16 loài thuộc nhóm ngài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Thiệu Du**, 2009: Báo cáo Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 3. NXB. Nông nghiệp: 73-82.
2. **Hoàng Vũ Trụ**, 2009: Báo cáo Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 3. NXB. Nông nghiệp: 401-408.
3. **Hoàng Vũ Trụ, Tạ Huy Thịnh**, 2007: Báo cáo Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 2. NXB. Nông nghiệp: 278-288.

RESULT OF THE SURVEY ON BUTTERFLIES AND MOTHS (LEPIDOPTERA, INSECTA) ALONG THE HO CHI MINH TRAIL IN TAY NGUYEN PLATEAU

HOANG VU TRU, TRAN THIEU DU, TA HUY THINH

SUMMARY

A total of 259 species belonging to 27 families of the order Lepidoptera were recorded based on 545 specimens collected from a survey along the Ho Chi Minh trail through 4 provinces in Tay Nguyen plateau (Kon Tum, Gia Lai, Dak Lak and Dak Nong) in April to May of 2011. Sixteen of them are new records for Vietnam, namely: *Nyctemera adversata* (Schaller), *Nyctemera baulus* (Boisduval), *Nyctemera coleta* (Stoll) of the family Arctiidae; *Nordstromia duplicata* (Warren), *Thyatira batis* (Linnaeus) (Drepanidae); *Bytharia uniformis* Swinhoe, *Celenna festiviaria* (Fabricius), *Chorodna scurobolima* Holloway, *Eumelea biflavata* Warren, *Ourapteryx contronivea* Inoue, *Pachyodes varicoloraria* Moore, *Thalasodes immissaria* Walker (Geometridae); *Euthrix inobtrusa* (Walker) (Lasiocampidae); *Nagia godfreyi* Tams (Noctuidae); *Risoba vialis* Moore (Nolidae); *Glanycus tricolor* Moore (Thyrididae). One species *Troides aeacus* (F. et R. Felder) (Papilionidae) listed in Red Data Book of Vietnam (2007) was recorded.